

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CĐ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 3 - 2025
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CĐ, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hảo, ông Phạm Phước Cường.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Tấn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HN ngày 03/02/2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1999, địa chỉ: Số 2x, tổ 09, xã BX, huyện M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần Hữu P, sinh năm 1998, địa chỉ: Số 1x, tổ 25, khóm C2, phường FA, thành phố CĐ, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cẩm N trình bày:

Bà và ông Hữu P tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường FA, thành phố CĐ vào ngày 24/4/2019. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, bà Cẩm N và ông Hữu P đã không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2024 cho đến nay. Quá trình chung sống bà Cẩm N và ông Hữu P sinh được 01 con chung tên Trần Hữu C, sinh ngày 21/10/2019.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Hữu P; yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Hữu P cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Hữu P nhưng ông Hữu P vắng mặt không có lý do.

Qua ghi nhận lời khai của ông Trần Văn Tốt (ông nội của Trần Hữu P), ông Tốt khai: Ông và Hữu P ở cùng nơi cư trú, ông có nhận được văn bản của Tòa án và có thông báo lại cho Hữu P, Hữu P biết được bà Cẩm N ly hôn nhưng không có ý kiến và cũng không về Tòa án làm việc. Hữu P đi làm tại công ty ở Đồng Nai; việc Cẩm N, Hữu P có mâu thuẫn thế nào ông không biết.

Kết quả xác minh tại Ban khóm C2, phường FA, thành phố CD được biết: Ông Hữu P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 104, tổ 25, Trương Định, khóm C2, phường FA, thành phố CD, tỉnh An Giang; hiện ông Hữu P đi làm xa nên không thường xuyên sinh sống tại địa phương.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải giữa các đương sự. Bà Cẩm N có đơn xin vắng mặt, ông Hữu P vắng mặt 02 lần nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Cẩm N được ly hôn với ông Hữu P. Về con chung, đề nghị giao con cho bà Cẩm N tiếp tục nuôi dạy; ông Hữu P không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố CD. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CD

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường FA nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong suốt thời gian từ khi thụ lý đến nay vợ chồng không chủ động hàn gắn tình cảm. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà Cẩm N và ông Hữu P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Cẩm N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hữu P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Bà Cẩm N và ông Hữu P có 01 con chung tên Trần Hữu C, sinh ngày 21/10/2019. Bà Cẩm N đang nuôi con chung và yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Hữu P cấp dưỡng. Xét thấy bà Cẩm N đang nuôi con, ông Hữu P không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Cẩm N, giao cháu Lộc cho bà tiếp tục nuôi dạy cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

Bà Cẩm N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Hữu P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Cẩm N không yêu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Các Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1999 được ly hôn ông Trần Hữu P, sinh năm 1998.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Cẩm N được tiếp tục nuôi dạy con chung Trần Hữu C, sinh ngày 21/10/2019 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Trần Hữu P không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Cẩm N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Hữu P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Cẩm N không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Lê Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004185 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CĐ; bà Cẩm N đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Hữu P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử Hữu P thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA